TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CHÂU THÀNH** **TỈNH SÓC TRĂNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 40/2019/HNGĐ-ST

Ngày: 19/11/2019

V/v: Tranh chấp ly hôn và nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Võ Văn Vinh**.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà **Châu Thị Chúc**
2. Ông **Lâm Quốc Em**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Lưu Thị Thúy Vy**, cán bộ Tòa án nhân dân huyện Châu Thành.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành: Bà **Huỳnh Mộng Kiều** – Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 11 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 215/2019/TLST-HNGĐ, ngày 17 tháng 9 năm 2019 về việc "Tranh chấp ly hôn và nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 165/2019/QĐXXST- HNGĐ ngày 30/10/2019, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn*: Bà **Đoàn Thị Thanh P**, sinh năm 1992 *(có mặt)*.

Địa chỉ: Khu Phố 10, phường V, thành phố P, tỉnh Ninh Thuận.

2. *Bị đơn*: Ông **Lữ Minh V**, sinh năm 1986 *(có mặt)*.

Địa chỉ: Ấp A, xã A, huyện C, tỉnh Sóc Trăng.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 02/8/2019; biên bản hòa giải ngày 30/10/2019; cũng như tại phiên tòa sơ thẩm nguyên đơn bà Đoàn Thị Thanh P trình bày:

Bà P và ông V kết hôn năm 2012, trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã A, huyện C, tỉnh Sóc Trăng. Và được cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 15/6/2012.

Thời gian đầu bà P và ông V chung sống hòa thuận, hạnh phúc, đến đầu năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn.

Nguyên nhân mâu thuẫn là do ông V tính hay ghen, nên lời nói của ông V xúc phạm bà rất nhiều lần, bà hy vọng ông V một ngày nào đó thay đổi tính tình, nhưng ông Vũ không thay đổi, từ đó dẫn đến bất đồng quan điểm trong cuộc sống.

Từ ngày 06/8/2018 đến nay bà, ông đã ly thân, mỗi người sống mỗi nơi, không ai quan tâm đến ai.

Nay bà P nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn nửa. Vì vậy bà P làm đơn yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông V.

Về con chung: Bà P khai vợ chồng có 01 con chung tên: Lữ Ngọc Gia H, sinh ngày 10/4/2014.

Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại biên bản hòa giải ngày 30/10/2019, cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, bị đơn ông Lữ Minh Vũ Trình bày: Ông V thừa nhận lời trình bày của bà P về hôn nhân, con chung là đúng, tài sản chung không có và cũng không có nợ ai.

Đối với yêu cầu của bà P xin ly hôn với ông, ông không đồng ý, vì còn thương vợ. Nếu bà P cương quyết ly hôn, thì nguyện vọng ông xin được nuôi con chung tên: Lữ Ngọc Gia H, sinh ngày 10/4/2014, không yêu cầu bà P cấp dưỡng nuôi con chung.

NHẬN ĐINH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về hôn nhân: Quan hệ hôn nhân giữa bà P và ông V là quan hệ hợp pháp. Qua quá trình chung sống do hai bên bất đồng về quan điểm sống, không quan tâm đến nhau, nên dẫn đến va chạm, mâu thuẫn, mất lòng tin với nhau. Bà P xác định tình cảm vợ chồng không còn khả năng đoàn tụ. Mâu thuẫn vợ chồng căng thẳng, được cha mẹ hai bên đã khuyên giải nhưng không có kết quả. Điều đó chứng tỏ tình trạng hôn nhân giữa bà P và ông V đã mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Bà P xin ly hôn là có căn cứ, phù hợp Điều 56 Luật hôn nhân gia đình năm 2014, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2] Về con chung: Bà P và ông V đều có nguyện vọng được nuôi 01 con chung. Tuy nhiên, việc giao con cho ai nuôi cần phải xem xét mọi mặt và quyền lợi của con chưa thành niên. Xét thấy ông V xin được nuôi cháu Lữ Ngọc Gia H là không có cơ sở để chấp nhận, vì từ khi ông và bà P xảy ra mâu thuẫn, bà P là người trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng cháu H. Nếu giao cháu H cho ông nuôi dưỡng sẽ đảo lộn cuộc sống, ảnh hưởng đến tâm lý, tinh thần, khả năng phát triển của cháu H, do đó nguyện vọng của ông Lữ Minh V xin được nuôi dưỡng cháu Lữ Ngọc Gia H là không có căn cứ chấp nhận. Xét thấy, từ khi phát sinh mâu thuẫn cho đến nay bà P là người trực tiếp nuôi dưỡng cháu: Lữ Ngọc Gia H, sinh ngày 10/4/2014. Bà P là thợ uốn tóc tại thành phố Sóc Trăng, thu nhập bình quân 7.000.000đ/ tháng đảm bảo điều kiện kinh tế để nuôi dưỡng cháu Lữ Ngọc Gia H, nên Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 2 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình, có căn cứ để chấp nhận nguyện vọng của bà P, giao cháu: Lữ Ngọc Gia H, sinh ngày 10/4/2014, cho bà P được trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con chung.

[3] Về cấp dưỡng nuôi con: Bà P không yêu cầu, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[4] Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét

[5] Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[6] Về án phí: Căn cứ vào khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự, khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 án phí và lệ phí Tòa án bà P phải chịu 300.000đ án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án hôn nhân.

[7] Tại phiên tòa, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và việc

chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Đề nghị Hội đồng xét xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Đoàn Thị Thanh P đối với bị đơn Lữ Minh Vũ về việc "tranh chấp ly hôn và nuôi con", nguyên đơn Đoàn Thị Thanh P được ly hôn với bị đơn Lữ Minh V; giao cho nguyên đơn trực tiếp nuôi dưỡng con chung tên: Lữ Ngọc Gia H, sinh ngày 10/4/2014, và bị đơn không phải cấp dưỡng nuôi con.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

- Áp dụng khoản 1 Điều 28 và điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56; khoản 2 Điều 81; Điều 82; Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình.

- Khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Đoàn Thị Thanh P.

- *Về hôn nhân*: Bà Đoàn Thị Thanh P được ly hôn với ông Lữ Minh V.

- *Về con chung*: Giao con chung tên: Lữ Ngọc Gia H, sinh ngày 10/4/2014, cho bà P được trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành.

- Về cấp dưỡng nuôi con: Bà P không yêu cầu, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

- Ông V được quyền thăm nom, chăm sóc con chung, không ai được quyền ngăn cản.

- Về tài sản chung: Không có, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

- Về nợ chung: Không có, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

- Án phí hôn nhân sơ thẩm: Bà Đoàn Thị Thanh P phải chịu 300.000đ, nhưng được trừ vào tiền tạm ứng đã nộp 300.000đ, theo biên lai thu tiền số 0008829, ngày 02/8/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành; bà P đã nộp đủ án phí sơ thẩm.

Các đương sự được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án; đối với đương sự không có mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày bản án được giao cho họ hoặc được niêm yết, để yêu cầu Toà án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc

bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- *Các đương sự;*
- *Tòa án tỉnh;*
- *VKSND huyện Châu Thành;*
- *Chi cục THADS huyện CT;*
- *Lưu hồ sơ vụ án;*
- *cơ quan đang ký kết hôn.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa

Võ Văn Vinh